TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2017/DS-PT
Ngày: 25-8-2017
V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.
Các Thẩm phán:
1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;
2. Ông Lâm Văn Be.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017, về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 65/2017/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường X, khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Anh Diệp Văn C, sinh năm 1987; cư trú tại: Khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

1.2. Anh Nguyễn Tùng T, sinh năm 1973; cư trú tại: Khu phố 2, đường K, phường M, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt (theo lời trình bày của anh Diệp Văn C thì anh Nguyễn Tùng T không tiếp tục tham gia ở giai đoạn xét xử phúc thẩm).

2. Đồng bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; cư trú tại: Đường L, khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1965; cư trú tại: Đường L, khu phố A, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2.3. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977; cư trú tại: Đường L, khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Thành C, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường L, khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thành T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14-11-2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Thành T đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất diện tích 2.102,6 m^2, thửa đất số 53, tờ bản đồ 42; tọa lạc tại: Khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 02-10-2016, anh Nguyễn Thành T đã ký kết hợp đồng cho anh Nguyễn Trọng L thuê phần đất nói trên để kinh doanh quán cà phê trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 02-10-2016 đến ngày 02-10-2017, với giá 5.000.000 đồng/tháng; anh Nguyễn Thành T đã nhận tiền đặt cọc 10.000.000 đồng. Cùng ngày, anh Nguyễn Thành T cũng đã ký kết hợp đồng thuê anh Trần Thành C xây dựng 34 mét hàng rào xung quanh phần đất này với giá 10.880.000 đồng; thời gian thi công tính từ ngày 05-10-2016 đến ngày 25-10-2016 thì hoàn thành.

Ngày 05-10-2016, anh Nguyễn Thành T đã trực tiếp đến mua một số loại vật liệu xây dựng tại Cửa hàng Vật liệu xây dựng "Hoàng Phương", với tổng số tiền 14.460.000 đồng; bao gồm: 01 xe cát; 10 bao xi măng; 6.000 viên gạch ống; 03 m^3 đá 1 x 2; 5 m^3 đá 4 x 6; 180 kg sắt phi 8; 150 kg sắt phi 6.

Trong lúc anh Trần Thành C đang thi công thì các anh chị em ruột của anh Nguyễn Thành T là: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn Thị Hồng T đã đến ngăn cản việc xây dựng hàng rào. Sau đó, anh Nguyễn Thành T đã báo cho chính quyền địa phương biết để lập biên bản.

Trong hai ngày 11 và 18 tháng 10 năm 2016, anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T lại tiếp tục ngăn cản việc xây dựng hàng rào. Anh Nguyễn Thành T đã trình báo cho chính quyền địa phương biết và có lập biên bản vào ngày 18-10-2016.

Do tâm lý lo sợ nên anh Trần Thành C đã ngừng việc thi công và yêu cầu được thanh lý hợp đồng, dẫn đến anh Nguyễn Thành T phải thanh toán cho anh Trần Thành C số tiền 10.880.000 đồng vì đã vi phạm hợp đồng. Đồng thời, anh Nguyễn Thành T còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Trọng L 10.000.000 đồng tiền đặt cọc do anh Nguyễn Trọng L không thể tiếp tục thuê đất kinh doanh quán cà phê.

Nay, anh Nguyễn Thành T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T phải bồi thường thiệt hại cho anh các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Tiền thanh lý hợp đồng cho anh Trần Thành C 10.880.000 đồng;

+ Tiền phải bồi thường cọc cho anh Nguyễn Trọng L 10.000.000 đồng;

+ Tiền thiệt hại về vật liệu xây dựng 14.460.000 đồng.

+ Tiền mất thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi mở phiên tòa xét xử.

Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2017, anh Nguyễn Minh Tâm xác định chỉ yêu cầu anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T phải bồi thường 10.880.000 đồng tiền đền bù hợp đồng thuê công và 14.460.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng, tổng cộng là 25.340.000 đồng; không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng đã trả cho anh Nguyễn Trọng L và tiền mất thu nhập hàng tháng.

Đồng bị đơn – bà Nguyễn Thị Bé S trình bày:

Anh Nguyễn Thành T là em ruột của bà. Vào năm 2016 (không nhớ rõ ngày, tháng), nhận được tin em ruột của bà là chị Nguyễn Thị Hồng T bị anh Nguyễn Thành T đánh, bà có chạy đến để can ngăn. Sự việc đã được trình báo lên Công an phường để giải quyết. Bà xác định trong ngày hôm đó chỉ có mặt bà cùng chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Thành T; không có anh Nguyễn Văn T.

Bà xác định không hề biết gì về việc thi công, xây dựng hàng rào của anh Nguyễn Thành T, anh Trần Thành C và số vật liệu xây dựng có trên đất như: Gạch, đá, xi măng, sắt, … Đồng thời, bà khẳng định không có việc ngăn cản anh Trần Thành C thi công, xây dựng hàng rào. Do đó, bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T.

Đồng bị đơn – chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Ngày 19-10-2016, liên quan đến việc anh Nguyễn Thành T xây dựng hàng rào trên phần đất tranh chấp, chị và bà Nguyễn Thị Bé S, anh Nguyễn Thành T có xô xát, cãi nhau. Chị xác định trong ngày hôm đó, không có mặt của anh Nguyễn Văn T. Trước và sau ngày 19-10-2016, chị không thấy anh Trần Thành C đến xây dựng hàng rào. Chị xác định số vật liệu xây dựng có trên đất như: Gạch, đá, xi măng, sắt, … là của anh Nguyễn Thành T. Trên đất có 14 mét móng hàng rào đang trong giai đoạn đổ bê-tông móng, chỉ chứa đá xanh, không có sắt và gạch ống. Ngoài ra, còn một số loại sắt dư không xác định rõ khối lượng của chị và hai đống đất do anh Trần Thành Tâm móc lên từ phía sau nhà.

Chị xác định không có hành vi ngăn cản anh Trần Thành C xây dựng hàng rào nên không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T.

Đồng bị đơn – anh Nguyễn Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt và không trình bày ý kiến.

Tại Bản tự khai đề ngày 12-01-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Trần Thành C trình bày:

Ngày 02-10-2016, anh và anh Nguyễn Thành T đã ký kết hợp đồng thuê công xây dựng 34 mét hàng rào xung quanh phần đất nói trên với giá 10.880.000 đồng;

thời gian thi công tính từ ngày 05-10-2016 đến ngày 25-10-2016 thì hoàn thành. Do anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T đến ngăn cản nên anh không thể tiếp tục xây dựng hàng rào và đã yêu cầu thanh lý hợp đồng. Anh Nguyễn Thành T đã đồng ý đền bù cho anh số tiền 10.880.000 đồng do vi phạm và anh đã nhận đủ tiền.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 65/2017/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số: 11A/QĐ-SCBSBA ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 604; 608 của Bộ luật Dân sự, Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T đối với anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Bé S về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản", số tiền 25.340.000 (hai mươi lăm triệu, ba trăm bốn chục nghìn) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đòi anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Bé S bồi thường thiệt hại số tiền 10.000.000 đồng và tiền mất thu nhập 5.000.000 đồng/tháng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo.

Ngày 06-6-2017, anh Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Tại khoản 1 Điều 604, Mục 1, Chương XXI – Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại như sau: *"Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường"*. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản" là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại là "Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về phạm vi khởi kiện:

Do nguyên đơn – anh Nguyễn Thành T có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2017 đối với yêu cầu bồi thường số tiền đặt cọc 10.000.000 đồng phải trả cho anh Nguyễn Trọng L và tiền mất thu nhập 5.000.000/tháng, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ đối với nội dung này là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

3.1. Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 10.880.000 đồng do đền bù hợp đồng thuê công xây dựng với anh Trần Thành C:

Tại Biên bản ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường S, về việc ngăn cản không cho xây dựng hàng rào, thể hiện: *"Ủy ban nhân dân phường có xuống thực tế nhưng ghi nhận không có ai ngăn cản và không có thợ tại công trình"*.

Tại Biên bản ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường S, về việc ngăn cản không cho xây dựng hàng rào, thể hiện: *"Qua kiểm tra các giấy tờ liên quan, Đoàn yêu cầu ông Nguyễn Văn T không được cản trở việc xây dựng của ông Nguyễn Thành T, vì quyền sử dụng đất của ông Tâm đã được pháp luật công nhận"*. Biên bản này không thể hiện sự có mặt của bà Nguyễn Thị Bé S, chị Nguyễn Thị Hồng T và hành vi ngăn cản của anh Nguyễn Văn T.

Đối với hành vi ngăn cản của anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T vào ngày 11 tháng 10 năm năm 2016, tại phiên tòa phúc thẩm bên nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S, chị Nguyễn Thị Hồng T không có hành vi ngăn cản anh Trần Thành C xây dựng tường rào vào các ngày 05, 11, 18 tháng 10 là có cơ sở.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S, chị Nguyễn Thị Hồng T phải bồi thường số tiền 10.880.000 đồng, do có lỗi vi phạm hợp đồng thuê công với anh Trần Thành C.

3.2. Đối với yêu cầu bồi thường 14.460.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng:

Theo lời trình bày của bên nguyên đơn, anh Nguyễn Thành T đã trực tiếp đến mua một số loại vật liệu xây dựng tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Hoàng Phương", với tổng số tiền 14.460.000 đồng; bao gồm: 01 xe cát; 10 bao xi măng; 6.000 viên gạch ống; 03 m^3 đá 1 x 2; 5 m^3 đá 4 x 6; 180 kg sắt phi 8; 150 kg sắt phi 6. Hóa đơn mang tên người mua hàng là "Nhĩ". Tuy nhiên, anh Nguyễn Thành T lại không xuất trình được tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu triệu tập người làm chứng để chứng minh "Nhĩ" là tên gọi khác của anh.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ vào ngày 21 tháng 2 năm 2017 thể hiện các loại vật liệu xây dựng vẫn còn lại trên đất bao gồm: 05 m^3 cát; 08 bao xi măng không sử dụng được; 1.904 viên gạch ống (loại gạch cháy); 03 m^3 đá 1

x 2; 01 m^3 đá 4 x 6; 03 cuộn sắt phi 8; 01 cuộn sắt phi 6. Trên đất còn có hố móng dài 22 mét, trong đó có 07 mét đã được bê-tông móng đá 4 x 6, còn lại 15 mét chưa bê-tông móng. Đối với vật liệu xây dựng là sắt, bên nguyên đơn không chuẩn bị được dụng cụ để xác định khối lượng cụ thể và không yêu cầu thẩm định lại.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Nguyễn Thành T chỉ sử dụng một phần đá 4 x 6 vào việc đổ bê-tông móng hàng rào, ngoài ra chưa sử dụng đến số vật liệu đã mua còn lại là phù hợp, có căn cứ. Riêng 08 bao xi-măng không còn sử dụng được là do anh Nguyễn Thành T không bảo quản tốt.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bên nguyên đơn không xác định được thiệt hại cụ thể về vật liệu xây dựng để yêu cầu đồng bị đơn phải bồi thường, đồng thời không chứng minh được anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T đã có hành vi ngăn cản anh Trần Thành C xây dựng tường rào.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thành T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T phải bồi thường 14.460.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Thành T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 25.340.000 đồng x 5% = 1.267.000 đồng.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Nguyễn Thành T phải chịu 500.000 đồng. Ghi nhận anh Nguyễn Thành T đã nộp xong.

[7] Án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận cho nên anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 604, 608 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 29 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thành T.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 65/2017/DS-ST ngày 24-5-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T đối với anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Bé S và chị Nguyễn Thị Hồng T về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng", số tiền 25.340.000 (hai mươi lăm triệu, ba trăm bốn chục nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 1.267.000 (một triệu, hai trăm, sáu mươi, bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng 883.500 (tám trăm, tám mươi ba nghìn, năm trăm) đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0003464 ngày 28/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; anh Nguyễn Thành T còn phải nộp thêm số tiền 383.500 (ba trăm, tám mươi ba nghìn, năm trăm) đồng.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận anh Nguyễn Thành T đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0004188 ngày 06-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh Nguyễn Thành T đã nộp xong

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND. TPTN;
- Chi cục THADS. TPTN;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Mai Văn Triển